

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ KINH DOANH THỐNG NHẤT



Thanh Hóa, năm 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự Do – Hạnh Phúc

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KINH DOANH THỐNG NHẤT

Điều Lệ này của Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Thống Nhất là cơ sở pháp lý cho toàn bộ hoạt động của Công Ty, một Công Ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh Nghiệp. Điều Lệ, các quyết định của Đại hội đồng Cổ Đông và Hội đồng quản trị, các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công Ty nếu đã được thông qua một cách hợp lệ và phù hợp với quy định của Pháp luật sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công Ty.

Điều Lệ này được thông qua ngày 25 tháng 9 năm 2023

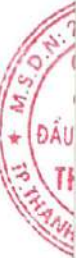
CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

ĐIỀU 1. ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH

1.01. Định nghĩa:

Trong Điều Lệ này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- (a) “Công Ty” là Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Thống Nhất
- (b) “Điều Lệ” là Điều Lệ này được các Cổ Đông thông qua vào ngày 25 tháng 9 năm 2023
- (c) “Vốn Điều Lệ” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi Công Ty thành lập và được quy định tại Điều 7 của Điều Lệ này.
- (d) “Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp” là văn bản hoặc bản điện tử mà Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp cho Công Ty.
- (e) “Cổ Đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công Ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu.
- (f) “Sổ đăng ký Cổ Đông” là sổ đăng ký Cổ Đông của Công Ty quy định tại Điều 17 của Điều Lệ này.
- (g) “Hội đồng quản trị” là hội đồng quản trị của Công Ty quy định tại Điều 31 của Điều Lệ này



- (h) “Đại hội đồng Cổ Đông” là đại hội đồng Cổ Đông của Công Ty quy định tại Điều 21 của Điều Lệ này.
- (i) “Ban kiểm soát” là ban kiểm soát của Công Ty quy định tại Điều 35 của Điều Lệ này.
- (j) “Chủ tịch Hội đồng quản trị” hay “Chủ tịch” là chủ tịch hội đồng quản trị của Công Ty quy định tại Điều 33 của Điều Lệ này.
- (k) “Giám đốc” là Giám đốc của Công Ty quy định tại Điều 4 và Điều 34 của Điều Lệ này.
- (l) “Người quản lý doanh nghiệp” là người quản lý Công Ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công Ty ký kết giao dịch của Công Ty theo quy định tại Điều Lệ này.
- (m) “Luật Doanh Nghiệp” là Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội.
- (n) “Pháp luật” là tất cả các văn bản luật, nghị định, thông tư, quyết định và các văn bản pháp luật khác quy định về thành lập, tổ chức quản lý và hoạt động của Công Ty do Cơ quan có thẩm quyền ban hành và đang có hiệu lực thi hành.
- (o) “Cơ quan có thẩm quyền” là cơ quan Nhà nước có thẩm quyền liên quan đến việc thành lập, tổ chức quản lý và hoạt động của Công Ty.
- (p) “VNĐ” hay “đồng Việt Nam” là đồng tiền hợp pháp của Việt Nam.

1.02. Giải thích:

- (a) Trong Điều Lệ này, tham chiếu tới một quy định hoặc văn bản sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế chúng.
- (b) Các tiêu đề (chương, điều, khoản, mục của Điều Lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều Lệ này.
- (c) Các từ hoặc thuật ngữ được định nghĩa trong Luật Doanh Nghiệp có nghĩa tương tự trong Điều Lệ này.

ĐIỀU 2. TÊN, ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH CỦA CÔNG TY

2.01. Tên Công Ty: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KINH DOANH THỐNG NHẤT

Tên Công ty viết bằng tiếng Việt : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KINH DOANH THỐNG NHẤT

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài : THONG NHAT BUSINESS INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên Công ty viết tắt : BCTN

2.02. Địa chỉ trụ sở chính của Công Ty: Số 02 Hạc Thành, Phường Tân Sơn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

Điện thoại: 02373.852.083

Fax:

Email: cpthongnhat@gmail.com

Website:.....

2.03. Chi nhánh, văn phòng đại diện của Công Ty:

Công Ty có thể thành lập, thay đổi địa chỉ của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong và ngoài lãnh thổ của Việt Nam để thực hiện mục tiêu hoạt động kinh doanh của Công Ty theo quyết định của Hội đồng quản trị và phù hợp với quy định của pháp luật

ĐIỀU 3. NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH CỦA CÔNG TY

3.01. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính
1	Xây dựng các công trình giao thông trong và ngoài nước: cầu, đường, sân bay, bến cảng, đường sắt; Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, thủy lợi và đường dây tải điện đến 35 KV; Đào đắp, san lấp mặt bằng công trình; Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu dân cư, đô thị;		x
2	Cho thuê tài sản cố định như máy móc thiết bị xây dựng		
3	Khai thác, kinh doanh, chế biến vật liệu xây dựng, cấu kiện thép, cấu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông nhựa; Thí nghiệm vật liệu xây dựng		
4	Xuất, nhập khẩu vật tư, phương tiện, thiết bị giao thông		
5	Sửa chữa xe máy, thiết bị thi công trình		
6	Kinh doanh thương mại, dịch vụ vận tải hàng hóa đường bộ, đường sắt		
7	Cho thuê mặt bằng kho bãi		x
8	Đầu tư xây dựng khu đô thị; đầu tư, kinh doanh bất động sản		
9	Dịch vụ khách sạn, dịch vụ nhà hàng ăn uống, dịch vụ xông hơi xoa bóp; dịch vụ tổ chức các hoạt động		

	thể thao, vui chơi giải trí (không bao gồm kinh doanh quán bar, vũ trường, karaoke)		
10	Giám sát công trình hạ tầng công nghiệp, dân dụng		
11	Thiết kế công trình hạ tầng, thiết kế công trình công nghiệp, dân dụng		

- 3.02. Công Ty có thể thay đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh theo quyết định của Đại hội đồng Cổ Đông và phù hợp với qui định của pháp luật.

ĐIỀU 4. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

- 4.01. Công Ty có một người đại diện theo pháp luật.
- 4.02. Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật của Công Ty.
- 4.03. Người đại diện theo pháp luật của Công Ty phải thường trú ở Việt Nam; trường hợp vắng mặt trên ba mươi (30) ngày thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác theo quy định tại Điều Lệ này và Pháp luật để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công Ty.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp là cá nhân đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Doanh nghiệp phải bảo đảm luôn có ít nhất một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam. Khi chỉ còn lại một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam thì người này khi xuất cảnh khỏi Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo quy định tại khoản 3 Điều này mà người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì thực hiện theo quy định sau đây:

- Người được ủy quyền tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tư nhân cho đến khi người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp trở lại làm việc tại doanh nghiệp;
- Người được ủy quyền tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh cho đến

khi người đại diện theo pháp luật của công ty trở lại làm việc tại công ty hoặc cho đến khi chủ sở hữu công ty, Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.

ĐIỀU 5. TƯ CÁCH PHÁP LÝ CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Thống nhất là một tổ chức kinh tế hạch toán độc lập; có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp; có con dấu riêng, được mở tài khoản tiền Việt Nam và ngoại tệ theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 6. PHẠM VI TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY

- 6.01. Công Ty chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty bằng toàn bộ tài sản của Công Ty.
- 6.02. Cổ Đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi số vốn đã góp hoặc cam kết góp vào Công Ty.
- 6.03. Công Ty có quyền độc lập trong bố trí, sử dụng tài sản, vốn, quỹ của Công Ty. Các Cổ Đông không có quyền riêng đối với các tài sản của Công Ty kể cả tài sản do Cổ Đông đóng góp.

CHƯƠNG II. VỐN ĐIỀU LỆ , CỔ PHẦN

ĐIỀU 7. VỐN ĐIỀU LỆ , CỔ PHẦN

- 7.01. Vốn Điều Lệ của Công Ty :
 - Bằng số: 20.593.910.000 VNĐ
 - Bằng chữ: Hai mươi tỷ, năm trăm chín mươi ba triệu, chín trăm mười nghìn đồng
 - 7.02. Tổng số cổ phần: 2.059.391 cổ phần
 - (a) Cổ phần phổ thông: 2.059.391 cổ phần
 - (b) Cổ phần ưu đãi: 0 cổ phần
 - (c) Cổ phần chào bán: 0 cổ phần
 - 7.03. Mệnh giá từng loại cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần.
 - 7.04. Thời điểm góp vốn: 24/7/2023
 - 7.05. Hình thức góp vốn: Tiền mặt
- Loại tài sản góp vốn: Đồng Việt Nam.

ĐIỀU 8. TĂNG, GIẢM VỐN ĐIỀU LỆ

- 8.01. Công Ty có thể quyết định việc tăng, giảm Vốn Điều Lệ nếu được Đại hội đồng Cổ Đông thông qua và phù hợp với quy định của Pháp luật.

8.02. Đại hội đồng Cổ Đông quyết định tăng Vốn Điều Lệ, nếu thấy cần thiết, thông qua việc:

- (a) Tích lũy lợi nhuận mà Công Ty thu được
- (b) Cổ Đông đầu tư vốn bổ sung;
- (c) Phát hành thêm các loại cổ phần chào bán để tăng vốn;

8.03. Việc giảm Vốn Điều Lệ do Đại hội đồng Cổ Đông quyết định trên cơ sở vốn còn lại của Công Ty nhưng vẫn đảm bảo Công Ty hoạt động bình thường. Công Ty có thể giảm vốn Điều Lệ bằng các hình thức sau đây:

- (a) Hoàn trả một phần vốn góp cho Cổ Đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong Công Ty nếu Công Ty đã hoạt động kinh doanh liên tục trong hơn 02 (hai) năm, kể từ ngày đăng ký doanh nghiệp và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho Cổ Đông;
- (b) Công Ty mua lại cổ phần đã phát hành quy định tại Điều 132 và Điều 133 của Luật Doanh Nghiệp;
- (c) Vốn Điều Lệ không được các Cổ Đông thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo quy định tại Điều 113 của Luật Doanh Nghiệp

ĐIỀU 9. CỔ PHIẾU

9.01. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công Ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công Ty. Cổ phiếu có thể ghi tên hoặc không ghi tên.

9.02. Trường hợp Cổ Đông nắm giữ nhiều loại cổ phần khác nhau do Công Ty phát hành thì tương ứng với mỗi loại cổ phần Công Ty sẽ cấp cho Cổ Đông một cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu số lượng cổ phần thuộc loại đó.

9.03. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- (a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Công Ty;
- (b) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
- (c) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
- (d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ Đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của Cổ Đông là tổ chức;
- (e) Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần;
- (f) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công Ty;

- (g) Sổ đăng ký tại sổ đăng ký Cổ Đông của Công Ty và ngày phát hành cổ phiếu;
 - (h) Các nội dung khác theo quy định của Pháp luật.
- 9.04. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công Ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật Công Ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.
- 9.05. Trường hợp chuyển nhượng một số cổ phần trong một cổ phiếu có ghi tên thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và Công Ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.
- 9.06. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì Cổ Đông được Công Ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của Cổ Đông đó.
Đề nghị của Cổ Đông phải có các nội dung sau đây:
- (a) Cổ phiếu đã bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác. Trường hợp bị mất thì phải cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả Công Ty để tiêu hủy;
 - (b) Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.
Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên mười triệu Đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, Người đại diện theo pháp luật của Công Ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị Công Ty cấp cổ phiếu mới.
- 9.07. Người sở hữu các cổ phiếu không ghi tên phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản cổ phiếu của mình. Công Ty sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất cứ sự cố nào xảy ra đối với cổ phiếu không ghi tên, kể cả trong trường hợp cổ phiếu đó bị mất cắp hoặc bị sử dụng bất hợp pháp.

ĐIỀU 10 CỐ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ PHẦN PHỔ THÔNG CỦA CỐ ĐÔNG SÁNG LẬP

10.01. Danh sách Cổ Đông sáng lập của Công Ty:

(a) Cổ đông 1: TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM

Trụ sở chính: 118 Lê Duẩn - Phường Cửa Nam - Quận Hoàn Kiếm - TP. Hà Nội

(b) Cổ đông 2:

Họ và tên: NGUYỄN CHÍ VŨNG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 15/11/1958

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

CCCD số: 038058012761 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 15/08/2021

Địa chỉ liên lạc: Thôn Hoàng Thịnh, Xã Đông Phú, Huyện Đông Sơn, Tỉnh Thanh Hóa

(c) Cổ đông 3:

Họ và tên: NGUYỄN CHÍ NAM

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 08/06/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

CCCD số: 038090049260 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 11/8/2021

Địa chỉ liên lạc: SN 110 Cao Sơn, Phường An Hưng, TP Thanh Hóa

(c) Cổ đông 4:

Họ và tên: NGUYỄN CHÍ ĐIỆP

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 05/05/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

CCCD số: 038093047445 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 15/11/2021

Địa chỉ liên lạc: Thôn Hoàng Thịnh, Xã Đông Phú, Huyện Đông Sơn, Tỉnh Thanh Hóa

(d) Cổ đông 4:

Họ và tên: NGUYỄN THỊ NINH

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 12/02/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

CCCD số: 038189001249 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 19/06/2022

Địa chỉ liên lạc: SN 110 Cao Sơn, Phường An Hưng, TP Thanh Hóa

(e) Cổ đông 5:

Họ và tên: LÊ XUÂN SƠN

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 10/12/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

CCCD số: 038078021249 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 15/8/2021

Địa chỉ liên lạc: Thôn Yên Doãn 1, Xã Đông Yên, Huyện Đông Sơn, Tỉnh Thanh Hóa

(f) Cổ đông 5: Nhóm cổ đông còn lại (có danh sách kèm theo)

10.02. Cơ cấu vốn của các Cổ Đông Công Ty:

STT	Tên Cổ Đông	Số cổ phần (Cổ phần)	Giá trị cổ phần (Đồng)	Tỉ lệ (%)
1	Nguyễn Chí Vững	784.875	7.848.750.000	38.11%
2	Nguyễn Chí Nam	428.480	4.284.480.000	20.81%
3	Nguyễn Chí Điệp	294.718	2.947.180.000	14.31%
4	Nguyễn Thị Ninh	180.570	1.805.700.000	8.77%
5	Lê Xuân Sơn	60.947	609.470.000	2.96%
6	Tổng Công ty ĐSVN	264.965	2.649.650.000	12.87%
7	Cổ phiếu quỹ	1.220	12.200.000	0.05%
8	Nhóm cổ đông còn lại	43.616	436.160.000	2.12%
Tổng		2.059.391	20.593.910.000	100%

10.03. Trong thời hạn 03 (ba) năm, kể từ ngày Công Ty được cấp Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp, Cổ Đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho Cổ Đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là Cổ Đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng Cổ Đông. Trường hợp này, Cổ Đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó.

10.4. Các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của Cổ Đông sáng lập được bãi bỏ sau thời hạn 03 năm, kể từ ngày Công Ty được cấp Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp. Các hạn chế của quy định này không áp dụng đối với cổ phần mà Cổ Đông sáng lập có thêm sau khi đăng ký thành lập doanh nghiệp và cổ phần mà Cổ Đông sáng lập chuyển nhượng cho người khác không phải là Cổ Đông sáng lập của Công Ty.

ĐIỀU 11. CHÀO BÁN VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN

11.01. Chào bán cổ phần là việc Công Ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn Điều Lệ.

11.02. Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo một trong các hình thức sau đây:

- (a) Chào bán cho các Cổ Đông hiện hữu;
- (b) Chào bán ra công chúng;
- (c) Chào bán cổ phần riêng lẻ.

11.03. Chào bán cổ phần cho các Cổ Đông hiện hữu, chào bán cổ phần riêng lẻ thực hiện theo quy định của Luật Doanh Nghiệp. Chào bán cổ phần ra công chúng, chào bán cổ phần khi Công Ty là Công Ty cổ phần đại chúng thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán.

11.04. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định chào bán cổ phần riêng lẻ, Công Ty phải thông báo việc chào bán cổ phần riêng lẻ với Cơ quan đăng ký kinh doanh.

11.05. Công Ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn Điều Lệ trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.

11.06. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch

trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

- 11.07. Trường hợp Cổ Đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của Cổ Đông đó là Cổ Đông của Công Ty.
- 11.08. Trường hợp cổ phần của Cổ Đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số Cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.
- 11.09. Cổ Đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công Ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là Cổ Đông của Công Ty.
- 11.10. Trường hợp Cổ Đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và Công Ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại
- 11.11. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành Cổ Đông Công Ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 17.02 Điều 17 của Điều Lệ được ghi đầy đủ vào Sổ đăng ký Cổ Đông.

ĐIỀU 12. MUA LẠI CỔ PHẦN THEO YÊU CẦU CỦA CỔ ĐÔNG

- 12.01. Cổ Đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại Công Ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của Cổ Đông quy định tại Điều Lệ Công Ty có quyền yêu cầu Công Ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Cổ Đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công Ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công Ty trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng Cổ Đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.
- 12.02. Công Ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của Cổ Đông quy định tại khoản 12.01 Điều này với giá thị trường hoặc giá thỏa thuận giữa Công Ty và Cổ Đông (trong trường hợp không xác định được giá thị trường) trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công Ty giới thiệu ít nhất 03 (ba) tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để Cổ Đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

ĐIỀU 13. MUA LẠI CỔ PHẦN THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA CÔNG TY

13.01. Công Ty có quyền mua lại không quá 30% (ba mươi phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

- (a) Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 (mười hai) tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng Cổ Đông quyết định;
- (b) Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại Điểm (c) Khoản này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Điều Lệ Công Ty không quy định hoặc Công Ty và Cổ Đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;
- (c) Công Ty có thể mua lại cổ phần của từng Cổ Đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công Ty. Trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công Ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả Cổ Đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Công Ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để Cổ Đông chào bán cổ phần của họ cho Công Ty.

13.02. Cổ Đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Công Ty trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ Đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của Cổ Đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của Cổ Đông hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ Đông. Công Ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

ĐIỀU 14. ĐIỀU KIỆN THANH TOÁN VÀ XỬ LÝ CÁC CỔ PHẦN ĐƯỢC MUA LẠI

14.01. Công Ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho Cổ Đông theo quy định tại Điều 12 và Điều 13 của Điều Lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công Ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

14.02. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 12 và Điều 13 của Điều Lệ này được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4 Điều 112 của Luật Doanh Nghiệp. Công

Ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn Điều Lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được Công Ty mua lại trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

14.03. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với Công Ty.

14.04. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công Ty giảm hơn 10% (mười phần trăm) thì Công Ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

ĐIỀU 15. THU HỒI TIỀN THANH TOÁN CỔ PHẦN MUA LẠI HOẶC TRẢ CỔ TỨC

Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại khoản 14.01 Điều 14 của Điều Lệ này hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 42 của Điều Lệ này thì các Cổ Đông phải hoàn trả cho Công Ty số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp Cổ Đông không hoàn trả được cho Công Ty thì tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho Cổ Đông mà chưa được hoàn lại.

ĐIỀU 16. PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

16.01. Công Ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của Điều Lệ này và Pháp luật.

16.02. Hội đồng quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng Cổ Đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu, hồ sơ giải trình quyết định của Hội đồng quản trị về phát hành trái phiếu.

ĐIỀU 17. SỔ ĐĂNG KÝ CỔ ĐÔNG

17.01. Ngay sau khi được cấp Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp, Công Ty sẽ lập Sổ đăng ký Cổ Đông và lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán. Sổ đăng ký Cổ Đông được lưu giữ dưới hai hình thức bằng văn bản và bằng tệp dữ liệu điện tử theo Pháp luật.

17.02. Sổ đăng ký Cổ Đông có các nội dung sau đây:

- (a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công Ty;
 - (b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - (c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
 - (d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ Đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ Đông là tổ chức;
 - (e) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi Cổ Đông, ngày đăng ký cổ phần.
- 17.03.** Sổ đăng ký Cổ Đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán, Cổ Đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký Cổ Đông trong giờ làm việc của Công Ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán.
- 17.04.** Trường hợp Cổ Đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với Công Ty để cập nhật vào sổ đăng ký Cổ Đông. Công Ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với Cổ Đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của Cổ Đông.

CHƯƠNG III. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG PHỔ THÔNG

ĐIỀU 18. QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG PHỔ THÔNG

- 18.01.** Cổ Đông phổ thông có các quyền sau đây:
- (a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng Cổ Đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền; Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - (b) Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng Cổ Đông;
 - (c) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng Cổ Đông trong Công Ty;
 - (d) Được tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho Cổ Đông khác và cho người không phải là Cổ Đông, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120 và khoản 1 Điều 127 của Luật Doanh Nghiệp
 - (e) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong danh sách Cổ Đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - (f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều Lệ này, sổ biên bản họp Đại hội đồng Cổ Đông và các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ Đông;

- (g) Khi Công Ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công Ty;
 - (h) Khiếu nại hoặc khởi kiện Giám đốc khi Giám đốc không thực hiện đúng nghĩa vụ, gây thiệt hại đến lợi ích của Cổ Đông hoặc Công Ty theo quy định của Pháp luật;
 - (i) Các quyền khác theo quy định của Điều Lệ này và Pháp luật.
- 18.02.** Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có các quyền sau đây:
- (a) Đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - (b) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;
 - (c) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ Đông trong trường hợp quy định tại Khoản 18.03;
 - (d) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ Đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với Cổ Đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ Đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ Đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công Ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - (e) Các quyền khác theo quy định của Điều Lệ này và Pháp luật.
- 18.03.** Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Khoản 18.02 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ Đông trong các trường hợp sau đây:
- (a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của Cổ Đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
 - (b) Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 (sáu) tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;
 - (c) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật.
- Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ Đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ Đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ Đông là tổ

chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ Đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ Đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công Ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ Đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

18.04. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát quy định tại điểm (a) Khoản 18.02 được thực hiện như sau:

- (a) Các Cổ Đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các Cổ Đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng Cổ Đông;
- (b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại khoản 18.02 Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng Cổ Đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng Cổ Đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các Cổ Đông khác đề cử.

ĐIỀU 19. NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG PHỔ THÔNG

19.01. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công Ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công Ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có Cổ Đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì Cổ Đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công Ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

19.02. Tuân thủ Điều Lệ này và các quy định của Công Ty.

19.03. Chấp hành quyết định của Đại hội đồng Cổ Đông, Hội đồng quản trị.

19.04. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều Lệ này và Pháp luật.

19.05. Cổ Đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công Ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- (a) Vi phạm pháp luật;
- (b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

- (c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công Ty.

CHƯƠNG IV. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CÔNG TY

ĐIỀU 20. CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY

Cơ cấu tổ chức và quản lý của Công Ty bao gồm:

- (a) Đại hội đồng Cổ Đông;
- (b) Hội đồng quản trị;
- (c) Ban kiểm soát;
- (d) Giám đốc.

ĐIỀU 21. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

21.01. Đại hội đồng Cổ Đông gồm tất cả các Cổ Đông có quyền biểu quyết, là Cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công Ty.

21.02. Cổ Đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo uỷ quyền thực hiện các quyền Cổ Đông của mình theo Pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một đại diện theo uỷ quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo uỷ quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Công Ty trong thời hạn không quá 03 (ba) ngày kể từ ngày có quyết định cử, chấm dứt, thay đổi. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- (a) Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh của Cổ Đông;
- (b) Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký Cổ Đông tại Công Ty;
- (c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo uỷ quyền;
- (d) Số cổ phần được uỷ quyền đại diện;
- (e) Thời hạn đại diện theo uỷ quyền;
- (f) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền và người đại diện theo pháp luật của Cổ Đông.

Công Ty phải gửi thông báo về người đại diện theo uỷ quyền quy định tại Khoản này đến cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.

21.03. Đại hội đồng Cổ Đông có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- (a) Thông qua định hướng phát triển của Công Ty;

- (b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
- (c) Quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- (d) Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty;
- (e) Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- (f) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công Ty;
- (g) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- (h) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều Lệ;
- (i) Quyết định mua lại trên 10% (mười phần trăm) trong tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- (j) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công Ty và Cổ Đông;
- (k) Các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều Lệ này và Pháp luật.

ĐIỀU 22. THẨM QUYỀN TRIỆU TẬP HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- 22.01.** Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
- 22.02.** Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- 22.03.** Đại hội đồng Cổ Đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:
- (a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
 - (b) Báo cáo tài chính hằng năm;
 - (c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - (d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc;
 - (e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;
 - (f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - (g) Vấn đề khác thuộc thẩm quyền..
- 22.04.** Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng Cổ Đông trong các trường hợp sau đây:

- (a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
 - (b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - (c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 18.02 của Điều Lệ này;
 - (d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - (e) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
- 22.05.** Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm b khoản 22.04 Điều lệ này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại điểm c và điểm d khoản 22.04 Điều lệ này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.
- 22.06.** Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 22.04 Điều lệ này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật này. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.
- 22.07.** Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ Đông theo quy định tại Khoản 22.06 thì Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Khoản 18.02 của Điều Lệ này đã yêu cầu có quyền đại diện Công Ty triệu tập họp Đại hội đồng Cổ Đông theo quy định của Điều Lệ này.
- 22.08.** Người triệu tập phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp Đại hội đồng Cổ Đông:
- (a) Lập danh sách Cổ Đông có quyền dự họp;
 - (b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách Cổ Đông;
 - (c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - (d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - (e) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ Đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
 - (f) Xác định thời gian và địa điểm họp;

(g) Gửi thông báo mời họp đến từng Cổ Đông có quyền dự họp theo quy định của Luật này;

(h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng Cổ Đông theo quy định tại các khoản 22.05, 22.06 và 22.07 của Điều này sẽ được Công Ty hoàn lại.

ĐIỀU 23. CHUẨN BỊ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

23.01. Danh sách Cổ Đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ Đông:

(a) Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn ngắn hơn.

(b) Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

(c) Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý công ty phải cung cấp kịp thời thông tin trong sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty.

23.02. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng Cổ Đông:

(a) Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ Đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.

(b) Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại khoản 18.02 của Điều Lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định thời hạn khác. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ

đồng, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

- (c) Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ Đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại điểm (b) khoản này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại điểm (b) khoản này;
- Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ Đông;
- Trường hợp khác theo quy định của Pháp luật và Công Ty.

- (d) Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ Đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại điểm (b) Khoản 23.02 vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại điểm (c) Khoản 23.02; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng Cổ Đông chấp thuận.

23.03. Mời họp Đại hội đồng Cổ Đông:

- (a) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn dài hơn. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.
- (b) Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của công ty; trường hợp công ty xét thấy cần thiết thì đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương.
- (c) Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:
- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
 - Phiếu biểu quyết;
- (d) Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp quy định tại điểm (c) khoản này có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tài tài liệu.

ĐIỀU 24. QUYỀN DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- 24.01. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 24.03 Điều này.
- 24.02. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.
- 24.03. Cổ Đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ Đông trong trường hợp sau đây:
- (a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - (b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - (c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - (d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;

ĐIỀU 25. ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- 25.01. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
- 25.02. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, nếu Điều lệ công ty không quy định khác. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
- 25.03. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai, nếu Điều lệ công ty không quy định khác. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.
- 25.04. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Khoản 23.02 của Điều Lệ này.

ĐIỀU 26. THỂ THỨC TIẾN HÀNH HỌP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- 26.01. Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông.
- 26.02. Việc bầu Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
- (a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - (b) Trừ trường hợp quy định tại điểm (a) khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - (c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
 - (d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;
- 26.03. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- 26.04. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;
- 26.05. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.
- 26.06. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi;
- 26.07. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ Đông có các quyền sau đây:
- (a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

- (b) Yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng Cổ Đông;
- 26.08. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
- (a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- (b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các Cổ Đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- (c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
- 26.09. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 22.08 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
- ĐIỀU 27. THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**
- 27.01. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
- 27.02. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
- (a) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
- (b) Định hướng phát triển công ty;
- (c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- (d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- (e) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
- (f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- (g) Tổ chức lại, giải thể công ty.
- 27.03. Quyết định của Đại hội đồng Cổ Đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây:

- (a) Được số Cổ Đông đại diện ít nhất 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ Đông dự họp tán thành, trừ trường hợp nêu tại điểm (b) và điểm (c) dưới đây:
- (b) Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các điểm (c), (d), (f):
- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công Ty;
 - Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty
 - Tổ chức lại, giải thể Công Ty;
- (c) Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.
- (d) Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.
- (e) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.
- (f) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc

được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

ĐIỀU 28. THẨM QUYỀN VÀ THỂ THỨC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN ĐỂ THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- 28.01.** Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 của Luật doanh nghiệp năm 2020;
- 28.02.** Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 của Luật doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 143 của Luật doanh nghiệp.
- 28.03.** Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- (a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - (b) Mục đích lấy ý kiến;
 - (c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - (d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;
 - (e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - (f) Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - (g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- 28.04.** Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
- (a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

- (b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
- (c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

28.05. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- (a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- (b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- (c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

28.06. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

28.07. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;

28.08. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

ĐIỀU 29. BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

29.01. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- (a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- (b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- (c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
- (d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- (e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- (f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- (g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- (h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- (i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

29.02. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ Đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

29.03. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kèm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

ĐIỀU 30. YÊU CẦU HỦY BỎ QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng Cổ Đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng Cổ Đông, Cổ Đông, nhóm Cổ Đông quy định tại khoản 18.02 của Điều Lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng Cổ Đông trong các trường hợp sau đây:

- 30.01. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- 30.02. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

ĐIỀU 31. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 31.01. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- 31.02. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị:
 - (a) Hội đồng quản trị có từ 03 đến 11 thành viên
 - (b) Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
 - (c) Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
- 31.03. Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - (a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
 - (b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - (c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - (d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;
 - (e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Luật này;

- (f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - (g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - (h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật doanh nghiệp;
 - (i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - (j) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;
 - (k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - (l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - (m) Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
 - (n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - (o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể công ty; yêu cầu phá sản công ty;
- 31.04.** Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
- 31.05.** Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành

viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

ĐIỀU 32. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 32.01.** Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.
- 32.02.** Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
- 32.03.** Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:
- (a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập;
 - (b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - (c) Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên điều hành của Hội đồng quản trị;
- 32.04.** Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
- 32.05.** Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công Ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
- 32.06.** Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp nếu Điều Lệ Công Ty không có quy định khác. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công Ty.

- 32.07.** Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
- 32.08.** Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều Lệ quy định thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
- 32.09.** Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
- (a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - (b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 10 Điều này.
 - (c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
 - (d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
- Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
- Trừ trường hợp Điều Lệ Công Ty có quy định tỷ lệ khác cao hơn, nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- 32.10.** Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
- 32.11.** Biên bản họp Hội đồng quản trị:
- (a) Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - Mục đích, chương trình và nội dung họp;

- Thời gian, địa điểm họp;
- Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- Các vấn đề đã được thông qua;
- Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

- (b) Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.
- (c) Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

ĐIỀU 33. CHỦ TỊCH VÀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 33.01.** Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Giám đốc Công Ty trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán không có quy định khác.
- 33.02.** Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - (a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - (b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - (c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - (d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - (e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng Cổ Đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - (f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều Lệ này và Pháp luật.
- 33.03.** Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều Lệ Công Ty.

Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

33.04. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng thư ký Công Ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều Lệ Công Ty. Thư ký Công Ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- (a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng Cổ Đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- (b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- (c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công Ty;
- (d) Hỗ trợ Công Ty trong xây dựng quan hệ Cổ Đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Cổ Đông;
- (e) Hỗ trợ Công Ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- (f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

33.05. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị.

33.06. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị:

- (a) Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
- (b) Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh Nghiệp;
- (c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công Ty và không nhất thiết phải là Cổ Đông của Công Ty, trừ trường hợp Điều Lệ Công Ty quy định khác.
- (d) Thành viên Hội đồng quản trị Công Ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công Ty khác.

33.07. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:

- (a) Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 5 Điều này;
 - Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - Có đơn từ chức;
 - Các trường hợp khác phù hợp với quy định của Pháp luật.

- (b) Ngoài các trường hợp quy định tại điểm (a) Khoản này, thành viên Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm bất cứ lúc nào theo quyết định của Đại hội đồng Cổ Đông.
- (c) Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ Đông
- (d) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật doanh nghiệp 2020;

Trừ hai trường hợp quy định trên, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất

ĐIỀU 34. GIÁM ĐỐC

- 34.01.** Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số họ hoặc thuê người khác làm Giám đốc.
- 34.02.** Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.
Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 (năm) năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 34.03.** Tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc:
 - (a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh Nghiệp ;
 - (b) Là cá nhân có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công Ty.
- 34.04.** Giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - (a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;
 - (b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - (c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công Ty;
 - (d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công Ty;

- (e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công Ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- (f) Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong Công Ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc ;
- (g) Tuyển dụng lao động;
- (h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- (i) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật, Điều Lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

34.05. Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều Lệ Công Ty, hợp đồng lao động ký với Công Ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công Ty thì Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công Ty.

ĐIỀU 35. BAN KIỂM SOÁT

- 35.01.** Ban kiểm soát có từ 03 (ba) đến 05 (năm) thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 (năm) năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 35.02.** Các Kiểm soát viên bầu 01 (một) người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công Ty.
- 35.03.** Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
- 35.04.** Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên:
Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - (a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Pháp luật;
 - (b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;
 - (c) Không được giữ các chức vụ quản lý Công Ty; không nhất thiết phải là Cổ Đông hoặc người lao động của Công Ty;
- 35.05.** Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên:

- (a) Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
- Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Khoản 4 Điều này;
 - Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - Có đơn xin từ chức;
 - Các trường hợp khác phù hợp với quy định của Pháp luật.
- (b) Ngoài các trường hợp quy định tại điểm (a) Khoản này, Kiểm soát viên có thể bị miễn nhiệm bất cứ khi nào theo quyết định của Đại hội đồng Cổ Đông.
- (c) Trường hợp Ban kiểm soát không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công Ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng Cổ Đông để xem xét và miễn nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.
- 35.06. Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát:**
- (a) Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công Ty.
- (b) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- (c) Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 (Sáu) tháng của Công Ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng Cổ Đông.
- (d) Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công Ty.
- (e) Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công Ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng Cổ Đông hoặc theo yêu cầu của Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Khoản 18.02 của Điều Lệ này.
- (f) Khi có yêu cầu của Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Khoản 18.2 Điều 18 của Điều Lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày

kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công Ty.

- (g) Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ Đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công Ty.
- (h) Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công Ty quy định tại Điều 37 của Điều Lệ này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng Cổ Đông.

35.07. Nghĩa vụ của Kiểm soát viên:

- (a) Tuân thủ đúng pháp luật, Điều Lệ Công Ty, nghị quyết của Đại hội đồng Cổ Đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.
- (b) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công Ty.
- (c) Trung thành với lợi ích của Công Ty và Cổ Đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công Ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công Ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
- (d) Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều Lệ này.
- (e) Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các điểm (a), (b), (c), (d) Khoản này mà gây thiệt hại cho Công Ty hoặc người khác thì các Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó.

Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại điểm © Khoản này đều thuộc sở hữu của Công Ty.

- (f) Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

ĐIỀU 36. QUYỀN ĐƯỢC CUNG CẤP THÔNG TIN CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

36.01. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị:

- (a) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu hoặc Giám đốc, Phó Giám đốc, người quản lý các đơn vị trong Công Ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công Ty và của các đơn vị trong Công Ty.
- (b) Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

36.02. Quyền được cung cấp thông tin của Kiểm soát viên:

- (a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị
- (b) Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng Cổ Đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với Cổ Đông, thành viên Hội đồng quản trị.
- (c) Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công Ty phát hành được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
- (d) Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công Ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công Ty trong giờ làm việc.
- (e) Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công Ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

ĐIỀU 37. TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY

Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác có trách nhiệm sau đây:

- 37.01.** Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Điều Lệ này, Pháp luật có liên quan, quyết định của Đại hội đồng Cổ Đông;
- 37.02.** Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công Ty và Cổ Đông;

- 37.03. Trung thành với lợi ích của Công Ty và Cổ Đông của Công Ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công Ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công Ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- 37.04. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công Ty về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công Ty
- 37.05. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều Lệ này.

CHƯƠNG V. THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG, THUỞNG VÀ CÁC LỢI ÍCH KHÁC CHO NGƯỜI QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY

ĐIỀU 38. THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG, THUỞNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC

- 38.01. Công Ty có quyền trả thù lao, tiền lương cho thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh
- 38.02. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc được trả theo quy định sau đây:
- (a) Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng Cổ Đông quyết định tại cuộc họp thường niên;
 - (b) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao;
 - (c) Giám đốc được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
- 38.03. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương của Giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công Ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công Ty, phải báo cáo Đại hội đồng Cổ Đông tại cuộc họp thường niên.

ĐIỀU 39. THÙ LAO VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA KIỂM SOÁT VIÊN

- 39.01. Kiểm soát viên được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng Cổ Đông. Đại hội đồng Cổ Đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;

- 39.02. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng Cổ Đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng Cổ Đông có quyết định khác;
- 39.03. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công Ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công Ty.

ĐIỀU 40. CÔNG KHAI LỢI ÍCH LIÊN QUAN

- 40.01. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác của Công Ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Công Ty, bao gồm:
- (a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - (b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn Điều Lệ ;
- 40.02. Việc kê khai quy định tại Khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với Công Ty trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng ;
- 40.03. Việc kê khai quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này phải được thực hiện như sau:
- (a) Công Ty phải thông báo Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng Cổ Đông tại cuộc họp thường niên;
 - (b) Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung Danh sách nói trên tại các chi nhánh của Công Ty;
 - (c) Cổ Đông, đại diện theo ủy quyền của Cổ Đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai trong giờ làm việc;
 - (d) Công Ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem, trích lục và sao chép danh sách những người có liên quan của Công Ty và những

nội dung khác một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này;

- 40.04. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công Ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công Ty.

ĐIỀU 41. HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH PHẢI ĐƯỢC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG HOẶC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CHẤP THUẬN

- 41.01. Hợp đồng, giao dịch giữa Công Ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng Cổ Đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

- (a) Cổ Đông, người đại diện ủy quyền của Cổ Đông sở hữu trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty và những người có liên quan của họ;
- (b) Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người có liên quan của họ;

- 41.02. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% (ba lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty. Trường hợp này, người đại diện Công Ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

- 41.03. Đại hội đồng Cổ Đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại Khoản 2 Điều này. Trường hợp này, người đại diện Công Ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ Đông hoặc lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản. Trường hợp này, Cổ Đông có lợi ích liên quan không có quyền

biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số Cổ Đông đại diện 65% (sáu lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành.

- 41.04. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của Pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này, gây thiệt hại cho Công Ty; người ký kết hợp đồng, Cổ Đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công Ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

CHƯƠNG VI. TÀI CHÍNH VÀ PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

ĐIỀU 42. TRẢ CỔ TỨC, NGUYÊN TẮC PHÂN CHIA LỢI NHUẬN VÀ XỬ LÝ LỖ TRONG KINH DOANH

- 42.01. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.
- 42.02. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công Ty. Công Ty chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:
- (a) Công Ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
 - (b) Đã trích lập các quỹ Công Ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của Pháp luật và Điều Lệ này;
 - (c) Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công Ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
- 42.03. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công Ty hoặc bằng tài sản khác quyết định của Đại hội đồng Cổ Đông. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc; hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ liên lạc của Cổ Đông; hoặc bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi Công Ty đã có đủ chi tiết để có thể chuyển trực tiếp được vào tài khoản ngân hàng của Cổ Đông.
- 42.04. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 (sáu) tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng Cổ Đông thường niên. Hội đồng quản trị phải lập danh sách Cổ Đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký tất cả Cổ Đông

chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải có các nội dung sau đây:

- (a) Tên Công Ty và địa chỉ trụ sở chính của Công Ty;
 - (b) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, sổ Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ Đông là cá nhân;
 - (c) Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của Cổ Đông là tổ chức;
 - (d) Số lượng cổ phần từng loại của Cổ Đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà Cổ Đông đó được nhận
 - (e) Thời điểm và phương thức trả cổ tức;
 - (f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công Ty.
- 42.05. Trường hợp Cổ Đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách Cổ Đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công Ty.
- 42.06. Trường hợp kinh doanh thua lỗ, Công Ty có thể trích từ quỹ dự phòng tài chính (nếu có) để bù lỗ hoặc chuyển lỗ sang năm sau để xử lý. Hội Đồng Quản Trị trình phương án xử lý lỗ trong kinh doanh để Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét, quyết định.

ĐIỀU 43. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG

- 43.01. Công Ty có thể mở một hoặc một số tài khoản ngân hàng tại một hoặc nhiều ngân hàng được cấp phép hoạt động trong và ngoài lãnh thổ của Việt Nam.
- 43.02. Công Ty có thể thực hiện thanh toán bằng tài khoản đồng Việt Nam hoặc tài khoản ngoại tệ tại Ngân hàng mà Công Ty có tài khoản.

ĐIỀU 44. THÀNH LẬP QUỸ

- 44.01. Theo quyết định của Đại hội đồng Cổ Đông, hằng năm sau khi đã thực hiện nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác đối với Nhà nước theo quy định của Pháp luật, Công Ty sẽ trích lập các quỹ từ lợi nhuận còn lại như sau:
- (a) Quỹ dự trữ bắt buộc: 5%;
 - (b) Quỹ phúc lợi tập thể: 5%;
 - (c) Quỹ phát triển sản xuất kinh doanh: 10%;
 - (d) Quỹ khen thưởng: 5%;

- 44.02. Danh sách Quỹ và tỷ lệ trích lập các Quỹ trên có thể được thay đổi tùy thuộc vào lợi nhuận còn lại hằng năm và theo quyết định của Đại hội đồng Cổ Đông.

ĐIỀU 45. NĂM TÀI CHÍNH

- 45.01. Năm tài chính bắt đầu vào ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 mỗi năm dương lịch.
- 45.02. Năm tài chính đầu tiên của Công Ty sẽ bắt đầu vào ngày được cấp Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm dương lịch đó. Năm tài chính cuối cùng sẽ kết thúc vào ngày giải thể Công Ty.

ĐIỀU 46. HỆ THỐNG KẾ TOÁN

- 46.01. Hệ thống kế toán và báo cáo của Công Ty được thiết lập phù hợp với các nguyên lý, chuẩn mực và thông lệ kế toán Việt Nam hoặc bất kỳ hệ thống nào khác do Bộ Tài chính phê chuẩn.
- 46.02. Sổ sách kế toán của Công Ty được lập bằng tiếng Việt.
- 46.03. Công Ty sử dụng đồng Việt Nam là đơn vị tiền tệ chính thức trong hệ thống kế toán.

ĐIỀU 47. BÁO CÁO HÀNG NĂM

- 47.01. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị các báo cáo và tài liệu sau đây:
- (a) Báo cáo về tình hình kinh doanh của Công Ty;
 - (b) Báo cáo tài chính;
 - (c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công Ty.
- 47.02. Công Ty thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính hằng năm theo quy định của Pháp luật.

ĐIỀU 48. LAO ĐỘNG

- 48.01. Việc tuyển dụng và sử dụng lao động phải tuân theo Pháp luật về lao động. Người lao động Việt Nam được ưu tiên khi tuyển chọn nếu đáp ứng các yêu cầu công việc. Trường hợp cần thiết, Công Ty có thể tuyển dụng người lao động nước ngoài vào các vị trí phù hợp của Công Ty theo quy định của Pháp luật. Giám đốc chịu trách nhiệm tuyển chọn nhân viên trên cơ sở kế hoạch do Hội đồng quản trị phê duyệt hằng năm.
- 48.02. Người lao động được tuyển dụng vào Công Ty được ký kết hợp đồng lao động theo các quy định của Pháp luật về lao động và các quy định khác liên quan.
- 48.03. Các chính sách chung liên quan đến lương của người lao động trong Công Ty sẽ do Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở đề nghị của Giám đốc xét theo năng lực và khả năng của từng người lao động và phải tuân thủ quy định của Pháp luật.

CHƯƠNG VII. CON DẤU CÔNG TY

ĐIỀU 49. CON DẤU CÔNG TY VÀ NGUYÊN TẮC SỬ DỤNG CON DẤU

49.01. Công Ty có 01 (một) con dấu.

- (a) Hình thức con dấu: Hình tròn, kích cỡ 3,6 cm, màu mực đỏ.
- (b) Con dấu của Công Ty có những nội dung sau đây:
 - Tên Công Ty;
 - Mã số doanh nghiệp của Công Ty;
 - Loại hình doanh nghiệp của Công Ty;
 - Địa chỉ quận/thành phố của trụ sở Công Ty.

49.02. Con dấu được lưu giữ tại trụ sở Công Ty. Người đại diện theo pháp luật có trách nhiệm quản lý việc sử dụng con dấu.

49.03. Con dấu được sử dụng trong các trường hợp theo quy định của pháp luật, quy định của Công Ty hoặc giữa Công Ty với các bên giao dịch có thỏa thuận về việc sử dụng con dấu.

CHƯƠNG VIII. TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ THANH LÝ CÔNG TY

ĐIỀU 50. CHIA TÁCH, SÁP NHẬP, HỢP NHẤT, CHUYỂN ĐỔI HÌNH THỨC CÔNG TY

Trong quá trình hoạt động, để phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh, Công Ty có thể thực hiện việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hoặc chuyển đổi hình thức Công Ty theo quyết định của Đại hội đồng Cổ Đông phù hợp với quy định của Pháp luật.

ĐIỀU 51. GIẢI THỂ

51.01. Công Ty có thể bị giải thể trong các trường hợp sau:

- (a) Theo quyết định của Đại hội đồng Cổ Đông;
- (b) Công Ty không còn đủ số lượng Cổ Đông tối thiểu theo quy định của Luật Doanh Nghiệp trong thời hạn 06 (sáu) tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;
- (c) Bị thu hồi Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp.
- (d) Các trường hợp khác phù hợp với quy định của Pháp luật.

51.02. Việc giải thể Công Ty do Đại hội đồng Cổ Đông quyết định, Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện theo quy định của Pháp luật.

ĐIỀU 52. TRÌNH TỰ THỦ TỤC GIẢI THỂ DOANH NGHIỆP

52.01. Thông qua quyết định giải thể Công Ty. Quyết định giải thể Công Ty có nội dung chủ yếu sau đây:

- (a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công Ty;

- (b) Lý do giải thể;
 - (c) Thời hạn, thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ của Công Ty; thời hạn thanh toán nợ, thanh lý hợp lý hợp đồng không vượt quá (06) sáu tháng, kể từ ngày thông qua quyết định giải thể;
 - (d) Phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động;
 - (e) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật.
- 52.02.** Hội đồng quản trị trực tiếp tổ chức thanh lý tài sản doanh nghiệp
- 52.03.** Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày thông qua, quyết định giải thể và biên bản họp phải được gửi đến Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế, người lao động trong doanh nghiệp, đăng quyết định giải thể trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp.
- 52.04.** Trường hợp doanh nghiệp còn nghĩa vụ tài chính chưa thanh toán thì phải gửi kèm theo quyết định giải thể phương án giải quyết nợ đến các chủ nợ, người có quyền, lợi và nghĩa vụ có liên quan. Thông báo phải có tên, địa chỉ của chủ nợ; số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó; cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ.

ĐIỀU 53. PHÁ SẢN

Việc phá sản Công Ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

CHƯƠNG IX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

ĐIỀU 54. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

- 54.01.** Tranh chấp nội bộ là tranh chấp có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công Ty, việc quản lý Công Ty, quyền, nghĩa vụ và lợi ích của Cổ Đông, phát sinh giữa:
- (a) Công Ty với Cổ Đông;
 - (b) Các Cổ Đông với nhau;
 - (c) Cổ Đông với Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Cán Bộ Quản Lý khác.
- 54.02.** Khi phát sinh tranh chấp nội bộ nêu tại Khoản 1 Điều này, các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ là người trung gian hòa giải. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trường Ban kiểm soát chỉ định

một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là người trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

- 54.03. Trường hợp thương lượng, hòa giải không thành sẽ đưa ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền.
- 54.04. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải, trừ trường hợp có phán quyết khác của người trung gian hòa giải hoặc của Tòa án có thẩm quyền.

CHƯƠNG X. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

ĐIỀU 55. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

- 55.01. Việc bổ sung, sửa đổi Điều Lệ này phải được Đại hội đồng Cổ Đông xem xét, quyết định.
- 55.02. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công Ty chưa được đề cập trong bản Điều Lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều Lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công Ty.

ĐIỀU 56. HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ

- 56.01. Điều Lệ này có hiệu lực kể từ ngày cấp Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp.
- 56.02. Điều Lệ này có thể lập thành nhiều bản, có giá trị như nhau, trong đó ít nhất 01 (một) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.
- 56.03. Điều Lệ này là duy nhất và chính thức của Công Ty.

**T/M ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KINH DOANH THỐNG NHẤT**



Nguyễn Chí Vững

